|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TRÀNG ĐỊNH  **PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC: 2024-2025**  **MÔN: NGỮ VĂN 7**  *(Thời gian làm bài 90 phút)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc hiểu** | Nghị luận xã hội | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề đời sống | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **40** |
| **Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi** | | | ***20%*** | ***10%*** | ***0%*** | ***30%*** | ***0%*** | ***30%*** | ***0%*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tổng % điểm** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TRÀNG ĐỊNH  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC: 2024-2025**  **MÔN: NGỮ VĂN 7**  *(Thời gian làm bài 90 phút)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận xã hội  *(Ngữ liệu ngoài SGK)* | **Nhận biết:**  - Nhận diện được đặc điểm của văn bản nghị luận: vấn đề nghị luận, lí lẽ, bằng chứng; mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  - Nhận diện được biện pháp tu từ nói quá, so sánh.  - Xác định được tục ngữ, thành ngữ, biện pháp (phép) liên kết trong văn bản.  - Xác định được thông tin nêu trong ngữ liệu. **Thông hiểu:**  - Hiểu được nghĩa của từ/câu trong ngữ liệu.  - Hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá, so sánh.  - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của ngữ liệu (cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng; lời văn nghị luận).  **Vận dụng:**  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung của ngữ liệu.  - Áp dụng được bài học từ ngữ liệu vào cách ứng xử trong cuộc sống. | | 4TN | | 2TL | | 2TL | |  | |
| **2** | **Viết** | Bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống. | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài: văn nghị luận xã hội.  - Xác định được nội dung nghị luận: một vấn đề đời sống.  **Thông hiểu:**  - Tập trung vào vấn đề nghị luận; biết sử dụng ý kiến, lí lẽ, bằng chứng hợp lí.  - Có hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng; đảm bảo đúng tính chất của bài văn nghị luận.  **Vận dụng:**  - Viết bài nghị luận hoàn chỉnh, cấu trúc hợp lí.  - Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng logic, chặt chẽ, xác đáng, thuyết phục.  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo trong cách diễn đạt; lời văn giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn | | 1\* | | 1\* | | 1\* | | 1TL\* | |
| **Tổng** | | |  | **4TN** | | **2TL** | | **2 TL** | | **1 TL** | |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30%*** | | ***30%*** | | ***30%*** | | ***10%*** | |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | | | | **40%** | | |

***Lưu ý*** :

(1\*): Một bài văn đánh giá 4 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao); tỉ lệ điểm cho từng mức độ được thể hiện trong hướng dẫn chấm.